

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2TS** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02137** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Luật Hiến pháp và Hành chính**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801012822	Nguyễn Phạm Tâm	18/08/1988			8	6.0	7.0		9.5		8.4
2	2253801012823	Thạch Văn Thành	05/04/1991			8	8.0	8.0		9.5		8.9
3	2253801012824	Võ Thị Mai Thảo	05/10/2000			9	8.0	8.0		9.0		8.7
4	2253801012825	Huỳnh Trí Thiện	10/07/1990			6	8.0	6.0		8.5		7.8
5	2253801012826	Phan Ngọc Thiện	26/08/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
6	2253801012827	Phạm Kiều Tiên	19/07/2005			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2253801012828	Đoàn Trung Tính	25/01/2003			8	8.0	8.0		10.0		9.2
8	2253801012829	Lê Thị Huỳnh Trân	12/05/2006			9	6.0	6.0		9.5		8.3
9	2253801012830	Định Thị Tuyết Vân	05/02/1993			8	5.0	7.0		8.0		7.4
10	2253801012831	Đặng Thị Kim Xuyên	12/12/1996			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2253801013364	Khưu Thị Thúy Anh	08/11/1984			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2253801013365	Lê Hoàng Anh	24/02/1989			9	8.0	7.0		6.0		6.7
13	2253801013366	Nguyễn Thị Chúc	24/05/1988			8	7.0	5.0		7.0		6.8
14	2253801013367	Trần Văn Đễ	22/02/1969			9	8.0	7.0		8.3		8.1
15	2253801013368	Hứa Thị Đình	01/06/1990			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
16	2253801013369	Lê Văn Hậu	26/05/1988			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
17	2253801013370	Lâm Thị Thanh Hiếu	11/03/1990			8	7.0	8.0		9.0		8.4
18	2253801013371	Lý Thị Thúy Ngân	20/01/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
19	2253801013372	Huỳnh Thị Có Ngọc	27/01/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
20	2253801013373	Huê Hồng Phú	20/11/1976			6	5.0	6.0		9.0		7.6
21	2253801013374	Phạm Văn Thuận	01/01/1992			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2253801013375	Trần Thanh Tiêng	26/03/1974			8	7.0	7.0		5.0		5.9
23	2253801013376	Nguyễn Tường Vy	21/08/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 1 tháng 6 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến